

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2009/TT-BNN

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2009

**THÔNG TƯ**

**hướng dẫn thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất  
thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2006 - 2010**

*Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (gọi tắt là Chương trình 135 giai đoạn II);*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-UBDT-KHĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 15/9/2008 của Liên Bộ hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II;*

*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung cụ thể về thực hiện Dự án Hỗ trợ phát triển sản*

*xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn II (Dự án), như sau:*

**I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN**

1. Nâng cao thu nhập bền vững cho các hộ nghèo, giúp hộ nghèo nhanh chóng thoát nghèo.

2. Nâng cao kiến thức sản xuất và thị trường cho hộ nghèo, giúp họ sản xuất ngày càng có hiệu quả để thoát nghèo bền vững.

**II. CHỦ ĐẦU TƯ VÀ ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN****1. Chủ đầu tư:**

- Là Ủy ban nhân dân (UBND) xã.

- Trường hợp UBND xã chưa đủ điều kiện làm chủ đầu tư (được quy định tại Thông tư số 01/2007/TT-UBDT ngày 21/6/2007 của UBDT) thì UBND huyện

tạm thời làm chủ đầu tư. Đồng thời, UBND huyện có trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp xã, cử cán bộ giúp đỡ các xã để chậm nhất sau 12 tháng kể từ thời điểm bắt đầu triển khai dự án, các xã này đảm nhận được nhiệm vụ chủ đầu tư.

- Chủ đầu tư có thể sử dụng Ban quản lý dự án, Ban giám sát chương trình 135 chung của xã làm nhiệm vụ tổ chức thực hiện dự án hỗ trợ sản xuất trên địa bàn.

## 2. Đối tượng tham gia:

a) Hộ nghèo: Được xác định theo Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 08/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006 - 2010 (trong trường hợp có điều chỉnh chuẩn nghèo thì áp dụng theo chuẩn nghèo mới);

b) Nhóm hộ: nhóm hộ được hỗ trợ phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Gồm những hộ nghèo và những hộ không nghèo đang sinh sống trên cùng địa bàn cụm dân cư thôn, bản, có cùng nguyện vọng phát triển một hoạt động sản xuất, dịch vụ và tự nguyện tham gia nhóm. Nhóm hộ có trưởng nhóm do các hộ bầu ra để quản lý điều hành các hoạt động của nhóm;

- Nhóm hộ có quy chế hoạt động, trong đó có quy định rõ về trách nhiệm, nghĩa

vụ, quyền lợi của thành viên trong nhóm để thực hiện có hiệu quả kế hoạch sản xuất mà nhóm đã đề ra, đảm bảo sử dụng hiệu quả vốn hỗ trợ, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho các thành viên trong nhóm;

- Đối tượng hộ không nghèo tham gia nhóm hộ không được vượt quá 20% tổng số hộ trong nhóm (đối với nhóm hộ có từ 05 hộ trở lên) và phải là những hộ có kinh nghiệm làm ăn, có nhiệt tình và khả năng giúp đỡ các hộ khác, được đa số các thành viên trong nhóm tán thành và được UBND xã chấp thuận.

## III. NỘI DUNG DỰ ÁN VÀ MỨC HỖ TRỢ

### 1. Nội dung hỗ trợ:

Theo quy định, dự án được hỗ trợ theo 04 nội dung mô tả dưới đây. Chủ đầu tư căn cứ vào kế hoạch phát triển sản xuất của huyện, xã và nhu cầu cần hỗ trợ của người dân để xác định các nội dung phù hợp, thiết thực (tận dụng tối đa lợi thế của địa phương, hướng người dân vào sản xuất hàng hóa, dịch vụ gắn với thị trường, đảm bảo tính bền vững về thu nhập, coi trọng an ninh lương thực). Không nhất thiết phải đầu tư cho tất cả các nội dung ở cùng một địa bàn để tập trung vốn, tránh dàn trải.

Các nội dung hỗ trợ cụ thể như sau:

1.1. Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông - khuyến lâm - khuyến ngư (gọi tắt là khuyến nông)

a) Mục đích: giúp các hộ nghèo nâng cao kiến thức sản xuất, kiến thức về thị trường (trước hết là với các hạng mục sản xuất mà các hộ đã lựa chọn) để sản xuất có hiệu quả, nâng cao thu nhập;

b) Các hoạt động được hỗ trợ:

- Bồi dưỡng, tập huấn và truyền nghề cho người sản xuất để nâng cao kiến thức, kỹ năng sản xuất, quản lý kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất tiên tiến.

c) Nội dung chi:

- Biên soạn tài liệu đào tạo tập huấn (ngoài tài liệu của Trung ương đã biên soạn);

- In tài liệu đào tạo tập huấn;

- Thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập;

- Trả thù lao cho giảng viên, chuyên gia;

- Hỗ trợ cho hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật;

- Hỗ trợ tiền nước uống, văn phòng phẩm, tài liệu, tiền ăn, tiền đi lại, tiền ngủ (nếu phải nghỉ qua đêm) cho học viên trong thời gian tập huấn;

- Hỗ trợ tham quan, học tập mô hình sản xuất tiên tiến: tiền tàu, xe đi và về; tiền ăn trong thời gian tham quan, học tập; tiền thuê phòng nghỉ (nếu phải nghỉ qua đêm);

- Chi phí quản lý lớp học.

1.2. Hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất hiệu quả, tiên tiến:

a) Mục đích:

- Xây dựng các mô hình tốt về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, bảo quản và chế biến nông sản, tiêu thụ nông sản có hiệu quả.

- Tổ chức cho đối tượng trong dự án (và ngoài dự án) tham quan, học tập những mô hình tốt để phổ biến, nhân rộng mô hình.

b) Các hoạt động được hỗ trợ (áp dụng cho các hộ, nhóm hộ tham gia thực hiện mô hình):

- Xây dựng mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở xã gắn với áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống, quy trình canh tác, chăn nuôi, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản;

- Xây dựng mô hình kinh tế hợp tác giữa hộ, nhóm hộ với các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nông hội, nhà khoa học... trong sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản.

## c) Nội dung chi:

- Giống, vật tư chính (thức ăn chăn nuôi, phân hóa học, thuốc thú y, bảo vệ thực vật, máy móc, thiết bị cần thiết cho xây dựng mô hình);

- Chi phí mua bản quyền, quy trình công nghệ mới;

- Chi phí thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình;

- Chi phí tập huấn cho người sản xuất, tham quan, tổng kết mô hình, bồi dưỡng cho hướng dẫn viên hướng dẫn thực hành thao tác kỹ thuật.

1.3. Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất.

a) Mục đích: Giúp đỡ các hộ đặc biệt khó khăn có được giống tốt và vật tư cần thiết ban đầu để thực hiện dự án;

## b) Các hoạt động được hỗ trợ:

- Giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản loại tốt, nằm trong danh mục đã được các hộ đăng ký trong dự án;

- Vật tư chủ yếu phù hợp với hạng mục sản xuất trong dự án (thức ăn chăn nuôi, phân hóa học, thuốc thú y, bảo vệ thực vật);

- Hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ về sử dụng các loại giống, vật tư theo quy trình sản xuất.

1.4. Hỗ trợ mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản

## a) Mục đích:

- Giúp hộ nghèo giảm nhẹ lao động thủ công nặng nhọc, tăng năng suất lao động, tăng thu nhập.

- Tạo điều kiện để hộ nghèo chuyển đổi, phát triển nghề mới, thúc đẩy phân công lao động xã hội tại địa phương.

## b) Các hoạt động được hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí mua máy, thiết bị cơ khí hoặc bán cơ khí phục vụ sản xuất (máy cày, bừa, bơm nước; máy tuốt lúa, v.v.), và phục vụ chế biến, bảo quản nông sản (máy sấy, máy thái trộn thức ăn chăn nuôi,...); ưu tiên hỗ trợ những trang thiết bị, máy, công cụ sử dụng được nguồn nguyên liệu sẵn có và đang có nhu cầu cao của địa phương;

- Hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật để sử dụng thành thạo các loại trang thiết bị, máy, công cụ đã được hỗ trợ.

2. Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách để thực hiện các nội dung chi trong các Mục 1, Phần III của Thông tư này do UBND tỉnh quy định nhưng phải phù hợp với các quy định hiện hành và không thấp hơn mức hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

#### IV. PHÂN BỐ VỐN VÀ GIAO KẾ HOẠCH VỐN

##### 1. Phân bổ vốn hỗ trợ

- UBND tỉnh phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho các huyện phải theo tiêu chí, không phân bổ bình quân.

- Tiêu chí phân bổ vốn dựa trên: tỷ lệ hộ nghèo, vị trí địa lý, diện tích, số hộ nghèo, điều kiện đặc thù của từng xã, đảm bảo ưu tiên hỗ trợ cho các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao.

- UBND tỉnh xây dựng tiêu chí và định mức hỗ trợ trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh để phê duyệt, làm căn cứ phân bổ vốn hỗ trợ cho các xã (thôn, bản).

##### 2. Xây dựng định mức hỗ trợ:

a) UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan để tổng hợp, xây dựng định mức hỗ trợ trình HĐND tỉnh quyết định. Định mức hỗ trợ được dùng làm căn cứ để xây dựng kế hoạch dự án sản xuất cho hộ nghèo ở xã, thôn, bản và làm căn cứ để người dân và các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở cơ sở. Định mức gồm:

- Mức hỗ trợ tối đa cho 01 hộ, 01 nhóm hộ;

- Định mức hỗ trợ cho các nội dung chi tại Mục 1, Phần III của Thông tư này, có tính đến vùng đặc thù của tỉnh.

b) Đầu vụ sản xuất hoặc 06 tháng 01 lần, căn cứ vào thông báo giá của Sở Tài chính, UBND tỉnh sẽ có quyết định điều chỉnh cho sát với thực tế.

##### 3. Giao vốn

a) Ủy ban nhân dân tỉnh: căn cứ vào nguồn vốn trung ương hỗ trợ và vốn của ngân sách tỉnh, UBND tỉnh lập kế hoạch phân bổ vốn:

- Kinh phí quản lý, chỉ đạo cho các đơn vị đầu mối: Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các huyện... (quy định tại Thông tư số 01/2008/TTLT-UBND-KHĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 15/9/2008 của liên Bộ);

- Phân bổ về huyện kinh phí hỗ trợ các xã, thôn, bản của huyện.

b) Ủy ban nhân dân huyện: giao vốn cho các xã (chủ đầu tư) trên cơ sở kế hoạch dự án từng xã đã được phê duyệt.

c) Ủy ban nhân dân xã (chủ đầu tư): giao vốn trực tiếp cho các hộ, nhóm hộ theo kế hoạch đã đăng ký.

Do tính thời vụ của sản xuất nông nghiệp, việc giao vốn phải đảm bảo kịp thời gian để vốn hỗ trợ đạt hiệu quả. Mục tiêu là: tháng 12 năm trước phải giao xong đến hộ để chuẩn bị cho sản xuất vụ Xuân năm sau; tháng 5 phải giao xong vốn cho

sản xuất cho vụ mùa, tháng 8 phải giao xong vốn cho sản xuất vụ Đông.

Hiện tại, do thời vụ của sản xuất nông nghiệp không trùng với năm tài chính nên UBND tỉnh cần thống nhất với Kho bạc nhà nước chấp thuận tạm ứng khi các chủ đầu tư đã có kế hoạch vốn được phê duyệt và có đơn yêu cầu. Mức tạm ứng tối thiểu là 30% kinh phí hỗ trợ cho hộ.

## V. QUY TRÌNH LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH HÀNG NĂM

### 1. Ủy ban nhân dân xã:

a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền về Dự án Hỗ trợ sản xuất thuộc Chương trình 135.

Căn cứ vào kế hoạch phân bổ vốn, định mức hỗ trợ do UBND tỉnh quy định, UBND xã tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức: qua hệ thống loa truyền thanh, niêm yết công khai tại các nơi sinh hoạt công cộng để người dân trong xã hiểu rõ về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thông qua Dự án đối với hộ nghèo cũng như nội dung của dự án;

b) Tổ chức họp dân trong thôn, bản hoặc liên thôn, bản để lựa chọn phương án sản xuất, lựa chọn hộ, nhóm hộ tham gia dự án (huyện, xã căn cứ cán bộ phụ trách Chương trình 135, cán bộ khuyến

nông xuống hỗ trợ các trường thôn, bản thực hiện công việc này). Nội dung cuộc họp:

- Thông báo công khai các chính sách hỗ trợ của Chương trình, các đối tượng được hỗ trợ (ưu tiên trước hết cho các hộ thuộc diện chính sách, tụt nghèo, nghèo nhất). Căn cứ vào đó, cộng đồng bình chọn, lập danh sách các hộ, nhóm hộ tham gia dự án đợt đầu và các đợt tiếp theo;

- Phổ biến chủ trương của huyện, xã về kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp của địa phương, những loại cây trồng, vật nuôi, nghề sản xuất được chú trọng và có lợi thế phát triển... để các hộ được biết trước khi lựa chọn đăng ký nội dung tham gia dự án. Việc lựa chọn này cần tập trung vào một vài nội dung có lợi thế ở địa phương, các hộ nghèo trên địa bàn dễ tiếp cận, tránh dàn trải;

- Các hộ tự nguyện đăng ký (bằng phiếu đăng ký) để chọn nội dung tham gia dự án;

- Cuộc họp phải có biên bản (theo mẫu 02 - phụ lục kèm theo), đọc lại công khai trước khi bế mạc và lưu hồ sơ.

c) Lập danh sách các hộ, nhóm hộ tham gia dự án:

- Trường thôn, bản tổng hợp các nội dung mà các hộ, nhóm hộ đã đăng ký, lập danh sách các hộ, nhóm hộ đăng ký kèm theo nội dung xin tham gia dự án,

mức hỗ trợ (theo mẫu 03 - phụ lục kèm theo);

- Trường hợp có hộ, nhóm hộ đăng ký nội dung chưa phù hợp với quy định thì trưởng thôn, bản cần gặp gỡ trao đổi để hướng dẫn hộ, nhóm hộ điều chỉnh trước khi lập danh sách niêm yết công khai;

- Tổ chức niêm yết công khai tại nơi công cộng và thông báo trên hệ thống loa truyền thanh;

- Sau thời gian 01 tuần kể từ khi thực hiện niêm yết công khai, nếu không có ý kiến khác từ cộng đồng thì căn cứ vào kết quả đã niêm yết, lập kế hoạch dự án (theo mẫu 04 - phụ lục kèm theo) gửi về UBND xã.

d) UBND xã (chủ đầu tư) lập kế hoạch thực hiện kèm dự toán chi tiết (theo mẫu 05 - phụ lục kèm theo). Kế hoạch được lập cho cả giai đoạn đến 2010 và có chia ra từng năm, trình UBND huyện phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân huyện: thẩm định, phê duyệt kế hoạch cho các xã, đồng thời lập thành kế hoạch chung của huyện, báo cáo UBND tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh: căn cứ vào kế hoạch của các huyện, tổng hợp thành kế hoạch chung của tỉnh, báo cáo về cơ quan thường trực Chương trình là Ủy ban Dân tộc và cơ quan chủ trì Dự án là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(qua Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn).

## VI. THANH QUYẾT TOÁN

1. Nguồn vốn đầu tư cho Chương trình 135 từ ngân sách đều phải được quản lý và thanh toán tập trung, thống nhất qua Kho bạc nhà nước.

2. Đối với vốn góp từ dân, kể cả ngày công, vật tư, hiện vật,... đều được quy đổi ra tiền Việt Nam. Chủ đầu tư phải có sổ theo dõi, ghi chép để cung cấp cho cơ quan tài chính quy đổi thống nhất. Cơ quan tài chính làm lệnh thu ngân sách khoản vốn này đồng thời làm lệnh chi ngân sách, gửi Kho bạc nhà nước để hạch toán vào giá trị dự án hỗ trợ.

3. Thanh quyết toán vốn ngân sách chỉ được thực hiện khi chủ đầu tư có đủ hồ sơ thanh toán, gồm: kế hoạch phân bổ vốn do UBND huyện phê duyệt cho chủ đầu tư, danh sách các hộ/nhóm hộ tham gia dự án được UBND xã phê duyệt, kế hoạch và dự toán chi tiết đã được UBND huyện phê duyệt, các chứng từ tài chính theo quy định hiện hành.

- Đối với hoạt động tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật,... không có khối lượng hiện vật thì phải có báo cáo nghiệm thu kết quả.

- Đối với hoạt động mua sắm vật tư, dịch vụ của các đơn vị, cá nhân có đăng

ký kinh doanh thì cần có hóa đơn tài chính. Trường hợp mua bán giữa các hộ dân không có hóa đơn tài chính thì chỉ cần có giấy biên nhận giữa các hộ mua bán nhưng đơn giá không được vượt quá định mức trong dự toán và phải được trưởng thôn, bản và UBND xã xác nhận.

## VII. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TRONG CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

### 1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Giao Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ:

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện dự án và đề xuất các chính sách, giải pháp điều chỉnh, bổ sung để thúc đẩy thực hiện dự án có hiệu quả;

- Xây dựng và ban hành văn bản, tài liệu, sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án;

- Tổng hợp tình hình thực hiện dự án định kỳ 06 tháng và 01 năm, tiến hành phân tích đánh giá kết quả gửi về Ban chỉ đạo Chương trình 135 thông qua cơ quan thường trực chương trình;

- Tổ chức công tác sơ kết, tổng kết đối với các địa phương tham gia Chương trình nhằm tổng kết, đánh giá, thúc đẩy

dự án hoạt động hiệu quả và đạt tiến độ đề ra.

### 2. Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.1. Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện dự án trên địa bàn.

### 2.2. Quyết định:

- Định mức hỗ trợ cho các nội dung của dự án thuộc địa bàn;

- Xây dựng tiêu chí phân bổ vốn tại địa phương;

- Phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và ngân sách của địa phương cho dự án tới các huyện, kinh phí quản lý chi đạo đến các đơn vị liên quan trực thuộc tỉnh.

- Cơ chế, nội dung lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn (liên quan đến các xã, thôn, bản có Chương trình 135) để tập trung nguồn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

2.3. Tổng hợp, đánh giá và báo cáo định kỳ kết quả thực hiện dự án trên địa bàn về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

UBND tỉnh cần giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì dự án, phối hợp với các đơn vị liên quan trong tỉnh tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ trên và chỉ đạo việc triển khai dự án trên địa bàn.



### 3. Ủy ban nhân dân các huyện.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện Dự án trên địa bàn huyện;

- Thẩm định, phê duyệt Dự án cho các xã và thực hiện giao vốn cho các xã (theo tiêu chí và kế hoạch đã được phê duyệt);

- Đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ UBND xã thực hiện tốt nhiệm vụ của chủ đầu tư;

- Tổ chức lồng ghép và huy động các nguồn lực để thực hiện dự án trên địa bàn huyện;

- Chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện dự án trên địa bàn huyện;

- Thực hiện tổng hợp, đánh giá và báo cáo định kỳ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan thường trực Chương trình 135 của tỉnh.

### 4. Ủy ban nhân dân xã:

- Là chủ đầu tư Dự án trên địa bàn xã, chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện dự án trên địa bàn;

- Phê duyệt danh sách hộ, nhóm hộ tham gia thực hiện dự án;

- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung của Dự án;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở các hộ, nhóm hộ để giúp đỡ hộ thực hiện tốt dự án;

- Thực hiện tổng hợp, đánh giá và báo cáo định kỳ kết quả thực hiện Dự án về UBND huyện.

## VIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ DỰ ÁN

### 1. Chế độ báo cáo:

#### 1.1. Báo cáo định kỳ hàng quý:

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ từ cơ sở về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp).

- Biểu mẫu báo cáo chung áp dụng theo Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 08/8/2008 của Ủy ban Dân tộc về việc ban hành quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010.

1.2. Báo cáo 06 tháng, 01 năm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm lập báo cáo về kết quả thực hiện Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 trên địa bàn về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổng hợp tình hình thực hiện Dự án trên phạm vi cả nước, báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương (qua cơ quan thường trực Chương trình).

## 2. Kiểm tra, giám sát thực hiện dự án

2.1. Mục đích: phát hiện những yếu kém, vướng mắc, rủi ro trong quá trình thực hiện dự án để kịp thời có biện pháp khắc phục, hỗ trợ, đảm bảo tổng thể việc thực hiện dự án trên địa bàn đạt hiệu quả cao.

2.2. Nội dung: coi trọng kiểm tra tại cơ sở, tập trung vào các khâu:

- Phân bổ vốn từ tỉnh đến hộ nghèo;
- Bình xét đối tượng tham gia dự án;
- Mua sắm vật tư thiết bị (chất lượng, đơn giá của đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ; chủng loại và chất lượng hàng hóa do các hộ tự mua,...);
- Kết quả thực hiện dự án ở các hộ, nhóm hộ.

## 2.3. Phương thức kiểm tra:

- Các cấp trên kiểm tra cấp dưới cần có định kỳ 06 tháng 01 lần. Trường hợp nhiều cấp trên cùng kiểm tra ở một cấp dưới thì phải có kế hoạch phối hợp, tránh chồng chéo;

- Cấp cơ sở: chủ đầu tư sử dụng Ban giám sát Chương trình 135 của xã để thực hiện công tác giám sát dự án Hỗ trợ sản xuất.

## 3. Đánh giá thực hiện dự án

- Định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá kết quả thực hiện dự án trên địa bàn từng xã, huyện, tỉnh và toàn quốc do UBND các cấp và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện;

Việc đánh giá áp dụng Bộ chỉ số đánh giá theo Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 08/8/2008 của Ủy ban Dân tộc;

- Ngoài ra, UBND xã (chủ đầu tư) cần theo dõi, hàng năm đánh giá sự chuyển biến về:

- + Tổng thu nhập tăng thêm của các hộ nghèo tham gia dự án.
- + Tỷ lệ lao động nữ tham gia dự án.
- + Tỷ lệ hộ gặp rủi ro và vốn thiệt hại trong dự án.
- + Tỷ lệ hộ thoát nghèo sau chu kỳ tham gia dự án. v.v.

## IX. CÁC HƯỚNG DẪN KHÁC

1. Nhằm đảm bảo tính thống nhất trong các văn bản và nhằm hướng dẫn thực hiện các hoạt động cụ thể trong khi tổ chức triển khai Dự án, nhất là đối với cán bộ xã và các hộ nông dân, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành

sau Thông tư này cuốn Sổ tay hướng dẫn thực hiện Dự án Hỗ trợ sản xuất thuộc Chương trình 135.

2. Thông tư này thay thế các Thông tư số 01/2007/TT-BNN ngày 15/01/2007, số 79/2007/TT-BNN ngày 20/9/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định khác trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh những vấn đề vướng mắc các địa phương cần báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để bổ sung, điều chỉnh./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Hồ Xuân Hùng

Phụ lục 01  
CÁC MẪU BIỂU

Mẫu 01: Đơn đăng ký tham gia của các hộ

(kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BNN ngày 06/3/2009)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN  
SẢN XUẤT - CT 135 NĂM 200...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Tôi là:....., sinh năm..... là chủ hộ (hoặc đại diện cho hộ)

Nơi ở hiện nay: thôn (bản, ấp)....., xã....., huyện..... tỉnh.....

Gia đình tôi đã được lựa chọn tham gia thực hiện kế hoạch năm ..... từ nguồn hỗ trợ của Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135;

Sau khi được hướng dẫn về nội dung hỗ trợ của dự án, điều kiện tham gia cũng như quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia dự án, gia đình tôi đăng ký thực hiện như sau:

(ghi cụ thể nội dung, dự kiến kinh phí tham gia theo hướng dẫn của thôn)

Tôi cam kết thực hiện đúng các quy định của nhà nước và chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện các nội dung đã đăng ký.

(tên xã), ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA THÔN

(Ký, họ tên)

## Mẫu 02: Biên bản họp thôn

(kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BNN ngày 06/3/2009)

UBND Xã.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thôn.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên thôn), ngày..... tháng..... năm.....

## BIÊN BẢN HỌP THÔN

Hôm nay, ngày..... tháng.... năm 200..., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn..... đã tổ chức họp để: (nêu mục đích cuộc họp)

- Chủ trì cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì).

- Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh)

- Thành phần tham gia:

+ Danh sách người (đại diện cho các hộ trong thôn) tham gia:

+ Danh sách đại diện các tổ chức, đoàn thể tham gia:

1. Nội dung cuộc họp

.....  
 .....  
 .....  
 .....

2. Kết quả cuộc họp hoặc Quyết định của cuộc họp

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

Cuộc họp đã kết thúc hồi..... cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./.

CHỦ TRÌ  
(Ký, họ tên)

THƯ KÝ  
(Ký, họ tên)

ĐẠI DIỆN HỘ DÂN  
(Ký, họ tên)

Mẫu 03: Danh sách hộ tham gia dự án năm..... (dùng cho cấp thôn, bản)

(kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BNN ngày 06/3/2009)

UBND Xã.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thôn.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên thôn), ngày..... tháng..... năm 200...

**DANH SÁCH HỘ THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN  
SẢN XUẤT - CT 135 NĂM.....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Căn cứ kết quả cuộc họp thôn ngày... tháng... năm... về lựa chọn danh sách hộ tham gia và nội dung thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 năm 200...;

Căn cứ nhu cầu của các hộ tham gia thực hiện dự án;

Danh sách các hộ và nội dung tham gia thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 năm..... như sau:

TT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Số lao động		Nội dung hỗ trợ	Khối lượng	Thành tiền	
			Tổng số	Nữ giới			Tổng	NSNN
	<b>TỔNG CỘNG</b>							

Tổng số hộ tham gia:

Tổng số tiền đăng ký:.....đồng (bằng chữ.....)

Đề nghị UBND xã tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt./.

TRƯỞNG THÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 04: Kế hoạch triển khai của thôn, bản

(kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BNN ngày 06/3/2009)

UBND Xã.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thôn.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên thôn), ngày.... tháng..... năm 200...

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN  
SẢN XUẤT - CT 135 NĂM 200...**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Căn cứ kế hoạch năm 200.... về thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 của xã và thôn;

Căn cứ nhu cầu của các hộ tham gia thực hiện dự án;

Thôn (bản, ấp)..... xây dựng kế hoạch triển khai và dự toán kinh phí thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 năm..... như sau:

TT	Nội dung	Số hộ tham gia	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
					Tổng	NSNN
I	HỖ TRỢ GIỐNG, VẬT TƯ					
1	Cây trồng					
	-					
	-					
	-					
2	Vật nuôi					
	-					
	-					
3	Vật tư chủ yếu					
	-					
	-					

TT	Nội dung	Số hộ tham gia	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
					Tổng	NSNN
II	XÂY DỰNG MÔ HÌNH					
	-					
	-					
III	THAM GIA CÁC LỚP TẬP HUẤN					
	-					
	-					
IV	HỖ TRỢ MÁY, THIẾT BỊ					
1	Máy, thiết bị phục vụ SX (ghi chi tiết các loại máy, thiết bị, công cụ theo chủng loại, công suất...)					
2	Máy, thiết bị phục vụ bảo quản, chế biến (ghi chi tiết các loại máy, thiết bị, công cụ theo chủng loại, công suất...)					
	Tổng cộng					

Tổng số hộ tham gia:

Tổng số tiền đăng ký:..... đồng (bằng chữ.....)

Đề nghị UBND xã tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện./.

TRƯỞNG THÔN  
(Ký và ghi rõ họ tên)

09605031

LawSoft - Tel: +84-8-3845 6684 - www.ThuVienPhapLuat.com



Mẫu 05: Kế hoạch triển khai của xã

(kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BNN ngày 06/3/2009)

UBND huyện.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

UBND xã.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên xã), ngày.... tháng.... năm 200...

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ  
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT - CT 135 NĂM 200...**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện.....

Căn cứ Văn bản số..... của UBND huyện..... về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm... thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 của xã....;

Căn cứ nhu cầu của người dân và địa phương;

Căn cứ Nghị quyết của HĐND xã..... về việc thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 của xã....

UBND xã..... xây dựng kế hoạch triển khai và dự toán kinh phí thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 năm..... như sau:

TT	Nội dung	Số hộ tham gia	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
					Tổng	NSNN
I	HỖ TRỢ GIỐNG, VẬT TƯ					
1	Cây trồng					
	-					
	-					
	-					
2	Vật nuôi					
	-					
	-					

TT	Nội dung	Số hộ tham gia	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
					Tổng	NSNN
3	Vật tư chủ yếu					
	-					
	-					
II	XÂY DỰNG MÔ HÌNH					
	-					
	-					
	-					
III	THAM GIA CÁC LỚP TẬP HUẤN					
	-					
	-					
IV	HỖ TRỢ MÁY, THIẾT BỊ					
1	Máy, thiết bị phục vụ SX (ghi chi tiết các loại máy, thiết bị, công cụ theo chủng loại, công suất...)					
2	Máy, thiết bị phục vụ bảo quản, chế biến (ghi chi tiết các loại máy, thiết bị, công cụ theo chủng loại, công suất...)					
	TỔNG CỘNG					

Tổng số hộ tham gia:

Tổng số tiền đăng ký:..... đồng (bằng chữ.....)

Đề nghị UBND huyện phê duyệt để triển khai thực hiện./.

TM. UBND XÃ....  
CHỦ TỊCH  
(Ký và đóng dấu)

09605031

Mẫu 06: Biểu báo cáo kết quả thực hiện (áp dụng cho báo cáo của tỉnh, huyện, xã)  
(kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BNN ngày 06/3/2009)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN (QUÝ, 6 THÁNG, NĂM...) DỰ ÁN HỖ TRỢ  
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT - CT 135  
(kèm theo Công văn số...../..... ngày..../..../200...)

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch			Thực hiện			Ghi chú
			Khối lượng	Vốn (tr.đ)	Số hộ	Khối lượng	Vốn (tr.đ)	Số hộ	
	<b>TỔNG SỐ</b>								
I	<b>HỖ TRỢ GIỐNG, VẬT TƯ</b>								
1	Cây trồng								
2	Vật nuôi								
3	Vật tư chủ yếu								
II	<b>XÂY DỰNG MÔ HÌNH</b>								
III	<b>TẬP HUẤN, ĐÀO TẠO</b>								
IV	<b>HỖ TRỢ MÁY, THIẾT BỊ</b>								
1	Máy, thiết bị phục vụ sản xuất								
2	Máy, thiết bị phục vụ bảo quản, chế biến								
a	Máy, thiết bị phục vụ bảo quản sản phẩm								
b	Máy, thiết bị phục vụ bảo quản, chế biến								

09605031

Tổng số hộ tham gia:

Giá trị khối lượng đã hoàn thành:..... đồng  
(bằng chữ.....)

Tổng số tiền đã giải ngân:..... đồng  
(bằng chữ.....)

Trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ:..... đồng  
(bằng chữ.....)

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
(Ký tên, đóng dấu)

## Phụ lục 02

(kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BNN ngày 06/3/2009)

## MỨC HỖ TRỢ THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1. Thông tư số 51/2008/TT-BTC ngày 16/6/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước (gọi tắt là TT 51).

2. Thông tư số 102/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 20/8/2007 của liên Bộ Tài chính - Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với một số dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo (gọi tắt là TT 102).

3. Thông tư số 02/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thuộc chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (gọi tắt là TT 02).

4. Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là TT 23).

5. Thông tư số 30/2006/TTLT-BTC-BNN&PTNT-BTS ngày 06/4/2006 của liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Thủy sản hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến nông, khuyến ngư (gọi tắt là TT 30).

6. Thông tư số 50/2007/TTLT-BTC-BNN&PTNT-BTS ngày 21/5/2007 của liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Thủy sản bổ sung, sửa đổi Thông tư số 30/2006/TTLT-BTC-BNN&PTNT-BTS ngày 06/4/2006 của liên tịch Bộ (gọi tắt là TT 50).

7. Thông tư số 87/2001/TT-BTC ngày 30/10/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình khung cho các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học (gọi tắt là TT 87).

8. Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-UBND-KHĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 15/9/2008 của liên Bộ hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II (gọi tắt là TT01).

## TỔNG HỢP CÁC MỨC CHI NHƯ SAU

### I. HỖ TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

1. Biên soạn tài liệu đào tạo tập huấn (ngoài tài liệu của trung ương đã biên soạn) áp dụng mức biên soạn tài liệu đối với các ngành Trung học chuyên nghiệp trong TT87:

a) Dịch và hiệu đính các tài liệu từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt: 35.000 đồng/trang;

b) Xây dựng chương trình khung và chương trình môn học:

- Biên soạn chương trình: 50.000 đồng/tiết;

- Sửa chữa, biên tập tổng thể: 25.000 đồng/tiết;

- Đọc phản biện nhận xét: 20.000 đồng/tiết.

c) Biên soạn giáo trình:

- Viết giáo trình: 35.000 đồng/trang;

- Sửa chữa, biên tập tổng thể: 20.000 đồng/trang;

- Đọc phản biện nhận xét: 10.000 đồng/trang.

Các mức chi nêu trên là mức tối đa, tùy theo mức độ phức tạp của từng ngành học để chi cho phù hợp.

2. In tài liệu đào tạo tập huấn: chi theo quy định hiện hành (theo TT).

3. Thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập.

4. Chi trả thù lao cho giảng viên, chuyên gia nước ngoài (nếu có) theo mức quy định tại Thông tư số 51/2008/TT-BTC ngày 16/6/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn, quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước hiện hành.

5. Hỗ trợ cho hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật 40.000 đồng/người/ngày (TT102).

6. Hỗ trợ tiền nước uống và văn phòng phẩm, tài liệu cho người nghèo trong thời gian tập huấn không quá 20.000 đồng/người/ngày (TT102).

7. Hỗ trợ tiền ăn cho người nghèo trong thời gian tập huấn: 20.000 đồng/người/ngày (TT102).

8. Tiền đi lại: Nếu nơi học cách nơi cư trú từ 15 km trở lên được hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé phương tiện giao thông công cộng, nhưng tối đa không quá 200.000 đồng/người/khóa học (TT 102).

9. Chi hỗ trợ người nghèo tham quan, khảo sát mô hình sản xuất khuyến nông, khuyến ngư đang áp dụng thành công ở các địa phương (TT102):

- Hỗ trợ tiền tàu, xe đi và về theo mức

giá vé tàu, vé xe thông thường của tuyến đường đi tham quan, khảo sát.

- Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian tham quan, khảo sát tối đa 50.000 đồng/người/ngày.

- Hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ (nếu phải nghỉ qua đêm) tối đa không quá 100.000 đồng/người/ngày.

10. Chi hỗ trợ quản lý kiểm tra đánh giá, giám sát hoạt động khuyến nông tại địa phương và cơ sở, tối đa không quá 5% trên tổng số chi cho hoạt động khuyến nông, trong đó: 2% cho cơ quan khuyến nông, khuyến ngư cấp trên và 3% cho đơn vị thực hiện triển khai mô hình (TT30 và 50).

11. Chi phí quản lý lớp học: tối đa không quá 5% giá trị dự toán (TT01, 102).

## II. HỖ TRỢ XÂY DỰNG VÀ PHỔ BIẾN NHÂN RỘNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT MỚI (TT30, 50)

1. Giống, vật tư chính: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 80% cho các hộ tham gia mô hình (thức ăn, phân bón, hóa chất, thuốc) trong trường hợp áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất.

2. Đối với một số mô hình có tính đặc thù riêng, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Mô hình công nghệ cao hỗ trợ tối đa 40% mức chi phí về giống và kinh

phí chuyển giao công nghệ; tối đa 20% chi phí vật tư chính nhưng không quá 50 triệu cho một mô hình.

- Mô hình áp dụng công cụ, cải tiến kỹ thuật: hỗ trợ tối đa 30% giá trị công cụ nhưng không quá 10 triệu cho một mô hình.

- Mô hình cơ giới hóa nông nghiệp, bảo quản chế biến và ngành nghề khác (không bao gồm lò sấy của mô hình chế biến, cải tạo hệ thống đồng muối của mô hình muối): hỗ trợ tối đa 75% thiết bị chính nhưng mức hỗ trợ không quá 125 triệu đồng/mô hình.

- Mô hình khai thác và bảo quản sản phẩm trên biển gần bờ (không bao gồm vỏ tàu, máy tàu): hỗ trợ tối đa 50% trang thiết bị nhưng mức hỗ trợ không quá 125 triệu đồng/mô hình. Mô hình khai thác và bảo quản sản phẩm trên biển xa bờ và tuyến đảo (không bao gồm vỏ tàu, máy tàu): hỗ trợ tối đa 50% trang thiết bị nhưng mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/mô hình.

- Mô hình chế biến bảo quản sản phẩm thủy sản trên bờ (không bao gồm nhà máy, phân xưởng), cơ khí hậu cần dịch vụ thủy sản: hỗ trợ tối đa 30% trang thiết bị nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/mô hình; trên các tuyến đảo hỗ trợ tối đa 50% trang thiết bị, nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/mô hình.

- Mô hình khuyến nông, nuôi trồng thủy sản ở hải đảo: hỗ trợ 100% mức chi phí về giống, vật tư chính.

3. Hỗ trợ mua bản quyền, quy trình công nghệ mới gắn với mô hình: Nhà nước hỗ trợ 70% chi phí mua bản quyền (không bao gồm kinh phí mua nhà xưởng, nhà lưới, nhà kính, thiết bị công nghệ).

4. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương tối thiểu cho một người/tháng trong những ngày làm việc, thời gian ký hợp đồng căn cứ vào chu kỳ của từng cây, con, nhưng tối đa không quá 9 tháng cho một năm.

5. Chi triển khai điểm trình diễn mô hình, bao gồm:

- Tập huấn cho người sản xuất, tham quan, tổng kết mô hình, tối đa không quá 7 triệu đồng/mô hình; riêng mô hình đòi hỏi kỹ thuật cao tối đa không quá 10 triệu đồng/1 mô hình. Trong đó: chi bồi dưỡng, tập huấn, tham quan cho người sản xuất gắn liền từng mô hình khuyến

nông, khuyến ngư, với mức hỗ trợ tiền ăn cho học viên là nông dân, ngư dân 15.000 đồng/người/ngày.

- Bồi dưỡng cho hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật 40.000 đồng/người/ngày.

### III. HỖ TRỢ GIỐNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, VẬT TƯ SẢN XUẤT

(áp dụng với các hộ nghèo): Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% giống, vật tư chính, nhưng không quá 3 triệu đồng/hộ (TT102)

### IV. HỖ TRỢ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ MÁY MÓC, CÔNG CỤ SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN, BẢO QUẢN SẢN PHẨM

1. Do cấp thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 3 triệu đồng/hộ (TT 102).

2. Một số quy định về hỗ trợ máy móc áp dụng theo TT 30, 50 đã nêu ở mục II.